



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-35

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 (gọi tắt là Công ty) tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 3 thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4688/2003/QĐ-BYT ngày 01/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Công ty hiện nay hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203000632 ngày 01 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 18 tháng 06 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Xuân Hương	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Khải	Ủy viên
Ông Đinh Văn Cường	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Khải	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trương Thị Nguyệt Hoa	Trưởng ban
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



(Handwritten signature)

Nguyễn Đình Khải

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 được lập ngày 29 tháng 01 năm 2021, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		254.810.843.838	242.392.502.054
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	40.917.711.483	54.508.066.731
111	1. Tiền		20.917.711.483	19.508.066.731
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	35.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	120.000.000.000	105.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		120.000.000.000	105.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		34.175.095.104	22.189.372.618
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	24.109.916.632	15.619.521.276
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.187.287.743	5.932.025.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.965.316.097	730.336.453
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(169.597.946)	(169.597.946)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		82.172.578	77.087.835
140	IV. Hàng tồn kho	9	56.385.491.737	56.087.485.175
141	1. Hàng tồn kho		56.385.491.737	56.087.485.175
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.332.545.514	4.607.577.530
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	48.825.293	88.594.580
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.261.328.483	4.469.720.212
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	22.391.738	49.262.738
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		186.548.207.698	126.788.177.217
220	II. Tài sản cố định		82.942.137.210	87.194.391.444
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	77.128.259.510	81.380.513.744
222	- Nguyên giá		144.899.497.910	141.914.127.499
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(67.771.238.400)	(60.533.613.755)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.813.877.700	5.813.877.700
228	- Nguyên giá		5.813.877.700	5.813.877.700
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		65.364.157.409	106.866.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	65.364.157.409	106.866.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		38.241.913.079	39.486.919.773
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	38.241.913.079	39.486.919.773
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		441.359.051.536	369.180.679.271

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		94.911.003.392	67.493.744.054
310	I. Nợ ngắn hạn		94.911.003.392	67.493.744.054
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	23.879.798.099	14.567.060.943
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	7.862.976.698	645.711.582
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	12.545.878.122	9.440.332.505
314	4. Phải trả người lao động		27.213.821.083	23.801.265.702
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.022.129.128	2.069.883.550
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.675.953.343	1.801.676.409
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	5.378.000.000	8.458.801.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		12.332.446.919	6.709.012.363
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		346.448.048.144	301.686.935.217
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	346.448.048.144	301.686.935.217
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		97.658.827.900	97.658.827.900
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.558.524.419	14.422.435.451
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		144.230.695.825	103.605.671.866
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		30.170.187.168	20.883.892.500
421b	LNST chưa phân phối năm nay		114.060.508.657	82.721.779.366
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		441.359.051.536	369.180.679.271



Trần Thị Hà Thu

Trần Thị Hà Thu

Nguyễn Đình Khái

Trần Thị Hà Thu
Người lập

Trần Thị Hà Thu
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Khái
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	411.840.963.928	423.629.762.214
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	16.119.539.535	12.825.471.468
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		395.721.424.393	410.804.290.746
11	4. Giá vốn hàng bán	23	122.005.940.597	148.763.373.679
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		273.715.483.796	262.040.917.067
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	12.005.783.855	3.019.423.815
22	7. Chi phí tài chính	25	2.910.906.238	2.459.968.811
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.969.222.640	1.165.217.633
25	8. Chi phí bán hàng	26	82.264.987.130	110.840.643.790
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	58.118.148.621	48.323.109.405
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		142.427.225.662	103.436.618.876
31	11. Thu nhập khác	28	921.454.132	832.227.236
32	12. Chi phí khác	29	389.047.547	693.325.755
40	13. Lợi nhuận khác		532.406.585	138.901.481
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		142.959.632.247	103.575.520.357
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	28.899.123.590	20.853.740.991
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>114.060.508.657</u>	<u>82.721.779.366</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	12.600	9.410



Trần Thị Hà Thu
Người lập



Trần Thị Hà Thu
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Khải
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		416.139.803.212	446.411.224.803
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(170.344.792.957)		(297.403.978.180)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(75.530.247.285)		(50.187.238.507)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(1.976.019.976)		(1.204.211.411)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(25.853.740.992)		(20.282.379.790)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.479.799.698		4.260.801.217
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(21.553.478.908)		(14.191.965.877)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		122.361.322.792	67.402.252.255
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(68.242.661.820)		(615.603.276)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(320.000.000.000)		(151.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	305.000.000.000		46.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	10.554.902.087		2.949.095.048
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(72.687.759.733)	(102.666.508.228)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	90.280.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay	64.042.983.100		25.867.220.860
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	(67.123.784.100)		(27.767.220.860)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(60.179.604.450)		(42.987.440.050)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(63.260.405.450)	45.392.559.950
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(13.586.842.391)	10.128.303.977
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		54.508.066.731	44.380.472.302
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.512.857)	(709.548)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		40.917.711.483	54.508.066.731



Trần Thị Hà Thu
Người lập

Trần Thị Hà Thu
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Khái
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 (gọi tắt là Công ty) tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 3 thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4688/2003/ QĐ-BYT ngày 01/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Công ty hiện nay hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203000632 ngày 01 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 18 tháng 06 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 86.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 86.000.000.000 đồng; tương đương 8.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 313 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 288 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, hóa chất, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng;
- Kinh doanh, nuôi trồng, chế biến dược liệu;
- Buôn bán máy móc, thiết bị y tế.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh tại Hà Nội	Ô đất số 6, dãy B, lô TT5B, Dự án Tây Nam Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	Kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.
Chi nhánh tại Thành Phố Hồ Chí Minh	Phòng 1 tầng trệt, Lầu 1, 90/14 Trần Văn Ôn, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.
Chi nhánh tại Hải Phòng	Số 16 đường Lê Đại Hành, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	Kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | Không trích khấu hao |

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc, chiếm toàn bộ doanh thu của Công ty và chủ yếu diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	268.051.263	801.972.960
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.649.660.220	18.706.093.771
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	35.000.000.000
	40.917.711.483	54.508.066.731

Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu-CN Hải Phòng với lãi suất là 3,5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	120.000.000.000	-	105.000.000.000	-
	120.000.000.000	-	105.000.000.000	-

Tại ngày 31/12/2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 120.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Sacombank - CN Hải Phòng và Ngân hàng TMCP TPBank - CN Hải Phòng với lãi suất từ 5,7%/năm đến 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Y tế	2.828.280.420		2.641.637.250	
- Công ty TNHH Dược phẩm Hòa Phát	-	-	394.808.796	-
- Công ty TNHH Đại Bắc	2.993.468.940	-	1.509.657.765	-
- Công ty TNHH Đầu tư Dược phẩm Minh Đức	760.382.490	-	625.679.567	-
- Công ty TNHH PAKID Việt Nam	615.600.720	-	1.064.802.920	-
- Phải thu khách hàng khác	16.912.184.062	(169.597.946)	9.382.934.978	(169.597.946)
	24.109.916.632	(169.597.946)	15.619.521.276	(169.597.946)

b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2020	01/01/2020
	Giá trị VND	Giá trị VND
	-	1.509.657.765

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel	-	-	1.000.000.000	-
- Công ty cổ phần Xây lắp Hải Long	-	-	4.288.550.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị MPM	6.477.238.900	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	1.710.048.843	-	643.475.000	-
	8.187.287.743	-	5.932.025.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.581.630.137	-	132.397.260	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	37.967.078	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	8.474.822	-	-	-
Tạm ứng	2.005.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	132.980.080	-	214.650.442	-
Phải thu khác	240.226.058	-	345.321.673	-
	1.965.316.097	-	730.336.453	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Minh	109.800.000	-	109.800.000	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1	59.797.946	-	59.797.946	-
	169.597.946	-	169.597.946	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	34.468.188.333	-	33.740.406.021	-
Công cụ, dụng cụ	81.962.119	-	56.970.855	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.284.273.544	-	8.125.643.751	-
Thành phẩm	16.551.067.741	-	14.164.464.548	-
	56.385.491.737	-	56.087.485.175	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Dự án Nhà máy Dược phẩm Trung Ương 3 - Tràng Duệ	65.364.157.409	106.866.000
	<u><u>65.364.157.409</u></u>	<u><u>106.866.000</u></u>

Thông tin về dự án:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3;
- Mục đích xây dựng: xây dựng nhà máy sản xuất thuốc, sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất hóa - mỹ phẩm;
- Địa điểm xây dựng: Lô N1-2, Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: Dự án được triển khai từ năm 2019 và dự kiến hoàn thành trong năm 2020;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Đã hoàn thiện xong phần nhà xưởng, phần điện lạnh và đang hoàn thiện lắp đặt thiết bị, máy móc. Hiện tại đang chờ cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn của Cục quản lý Dược và dự kiến sẽ bắt đầu thực hiện sản xuất vào đầu Quý I/2021.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 34).

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	83.868.258.486	46.280.061.859	7.727.210.187	4.038.596.967	141.914.127.499
- Mua trong năm	-	-	1.955.063.638	1.030.306.773	2.985.370.411
Số dư cuối năm	83.868.258.486	46.280.061.859	9.682.273.825	5.068.903.740	144.899.497.910
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	17.768.821.606	34.000.494.919	5.619.893.128	3.144.404.102	60.533.613.755
- Khấu hao trong năm	2.745.583.247	3.211.442.868	989.464.185	291.134.345	7.237.624.645
Số dư cuối năm	20.514.404.853	37.211.937.787	6.609.357.313	3.435.538.447	67.771.238.400
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	66.099.436.880	12.279.566.940	2.107.317.059	894.192.865	81.380.513.744
Tại ngày cuối năm	63.353.853.633	9.068.124.072	3.072.916.512	1.633.365.293	77.128.259.510

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.725.251.361 đồng.

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại các địa chỉ: Ô đất số 6 dãy B, Lô TT5B, Dự án Tây Nam Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; Số 90/14 Trần Văn On, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Khu dân cư Trung Nghĩa, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với nguyên giá lần lượt là 3.057.600.000 đồng; 1.399.472.000 đồng và 1.356.805.700 đồng. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	48.825.293	88.594.580
	48.825.293	88.594.580
b) Dài hạn		
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng Dự án Nhà máy Trảng Duệ (*)	36.895.063.608	37.739.988.729
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.346.849.471	1.746.931.044
	38.241.913.079	39.486.919.773

(*) Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Lô N1-2 Khu công nghiệp Trảng Duệ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Thành phố Hải Phòng với diện tích 18.455,5 m2 theo Hợp đồng số 102/HĐTĐ&CSHT-TD/2018 ngày 27/12/2018 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 và Công ty Cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng. Theo đó, thời hạn thuê tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 27/08/2064, Công ty thanh toán tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước một lần cho toàn bộ thời hạn thuê.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư âm				
- Công ty Cổ phần Thương mại Dược liệu Sơn Tùng	3.006.652.500	3.006.652.500	2.633.092.434	2.633.092.434
- Công ty TNHH Suheung Việt Nam	635.775.000	635.775.000	1.246.890.000	1.246.890.000
- Công ty TNHH Sản xuất Bao bì và Thương mại Đức Thành	1.582.547.758	1.582.547.758	1.143.995.963	1.143.995.963
- Nguyễn Thị Thanh	1.120.258.820	1.120.258.820	1.276.567.900	1.276.567.900
- Công ty Cổ phần Xây Lắp Hải Long	5.801.400.000	5.801.400.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	11.733.164.021	11.733.164.021	8.266.514.646	8.266.514.646
	23.879.798.099	23.879.798.099	14.567.060.943	14.567.060.943

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hòa Phát	7.543.714.824	-
Người mua trả tiền trước khác	319.261.874	645.711.582
	7.862.976.698	645.711.582

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	272.660.814	1.293.063.277	1.293.880.027	-	271.844.064
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	862.711.865	862.711.865	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	8.853.740.991	28.899.123.590	25.853.740.992	-	11.899.123.589
Thuế Thu nhập cá nhân	-	293.366.071	9.378.252.647	9.302.804.403	-	368.814.315
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	49.262.738	-	51.643.273	24.772.273	22.391.738	-
Các loại thuế khác	-	20.564.629	63.665.306	78.133.781	-	6.096.154
	49.262.738	9.440.332.505	40.548.459.958	37.416.043.341	22.391.738	12.545.878.122

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	6.797.336
- Trích trước theo hợp đồng dịch vụ	-	1.246.776.182
- Chi phí trích trước trả thưởng cho nhà phân phối	1.782.287.208	-
- Chi phí phải trả khác	239.841.920	816.310.032
	<u>2.022.129.128</u>	<u>2.069.883.550</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	444.534.675	552.112.934
- Kinh phí công đoàn	194.570.168	173.625.496
- Bảo hiểm y tế	70.206.200	35.347.300
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	250.249.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	150.654.800	130.259.250
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	2.500.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	65.738.500	910.331.429
	<u>3.675.953.343</u>	<u>1.801.676.409</u>

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	5.400.000.000	5.400.000.000	64.042.983.100	64.064.983.100	5.378.000.000	5.378.000.000
- Vay cá nhân (*)	5.400.000.000	5.400.000.000	6.278.000.000	6.300.000.000	5.378.000.000	5.378.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Hải Phòng	-	-	57.764.983.100	57.764.983.100	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.058.801.000	3.058.801.000	-	3.058.801.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	3.058.801.000	3.058.801.000	-	3.058.801.000	-	-
	8.458.801.000	8.458.801.000	64.042.983.100	67.123.784.100	5.378.000.000	5.378.000.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	3.058.801.000	3.058.801.000	-	3.058.801.000	-	-
	3.058.801.000	3.058.801.000	-	3.058.801.000	-	-

(*) Khoản vay từ cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 4%/năm đến 8%/năm. Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 5.378.000.000 đồng.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	68.000.000.000	25.748.527.500	10.419.268.227	76.694.027.618	180.861.823.345
Tăng vốn trong năm trước	18.000.000.000	71.910.300.400	-	-	89.910.300.400
Lãi trong năm trước	-	-	-	82.721.779.366	82.721.779.366
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.003.167.224	(55.810.135.118)	(51.806.967.894)
Số dư cuối năm trước	86.000.000.000	97.658.827.900	14.422.435.451	103.605.671.866	301.686.935.217
Số dư đầu năm nay	86.000.000.000	97.658.827.900	14.422.435.451	103.605.671.866	301.686.935.217
Lãi trong năm nay	-	-	-	114.060.508.657	114.060.508.657
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.136.088.968	(73.435.484.698)	(69.299.395.730)
Số dư cuối năm nay	86.000.000.000	97.658.827.900	18.558.524.419	144.230.695.825	346.448.048.144

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 683/2020/NQ - ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	82.721.779.366
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	4.136.088.968
Trích thù lao Hội đồng Quản trị; Ban kiểm soát	4,00%	3.308.871.175
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,00%	5.790.524.556
Chi trả cổ tức (bằng 70% vốn điều lệ)	72,77%	60.200.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	11,23%	9.286.294.667

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	22,07%	18.984.350.000	22,07%	18.984.350.000
Bùi Xuân Hương	6,38%	5.487.200.000	6,38%	5.487.200.000
Đình Văn Cường	5,58%	4.796.680.000	5,58%	4.796.680.000
Nguyễn Đình Khái	13,89%	11.949.400.000	13,89%	11.949.400.000
Nguyễn Thanh Tuấn	9,68%	8.323.310.000	9,68%	8.323.310.000
Các cổ đông khác	42,40%	36.459.060.000	42,40%	36.459.060.000
	100%	86.000.000.000	100%	86.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	86.000.000.000	68.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	18.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	<u>86.000.000.000</u>	<u>86.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	130.259.250	117.699.300
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	60.200.000.000	43.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	60.200.000.000	43.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(60.179.604.450)	(42.987.440.050)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	<u>(60.179.604.450)</u>	<u>(42.987.440.050)</u>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>150.654.800</u>	<u>130.259.250</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.558.524.419	14.422.435.451
	<u>18.558.524.419</u>	<u>14.422.435.451</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	34.935,00	17.271,27

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xóa theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông	641.074.953	641.074.953

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	411.840.963.928	423.629.762.214
	<u>411.840.963.928</u>	<u>423.629.762.214</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<u>-</u>	<u>28.278.186.010</u>

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	13.957.256.476	10.049.728.190
Hàng bán bị trả lại	2.162.283.059	2.774.790.897
Giảm giá hàng bán	-	952.381
	<u>16.119.539.535</u>	<u>12.825.471.468</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán, dịch vụ đã cung cấp	122.005.940.597	148.763.373.679
	<u>122.005.940.597</u>	<u>148.763.373.679</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	12.004.134.964	3.019.423.815
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.648.891	-
	<u>12.005.783.855</u>	<u>3.019.423.815</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.969.222.640	1.165.217.633
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	938.170.741	1.265.217.651
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.512.857	28.823.979
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	709.548
	2.910.906.238	2.459.968.811

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	635.160.669	533.325.613
Chi phí nhân công	33.791.255.221	20.262.327.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	347.032.559	238.817.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.114.960.853	83.953.894.898
Chi phí khác bằng tiền	9.376.577.828	5.852.278.714
	82.264.987.130	110.840.643.790

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.636.720.342	1.447.019.380
Chi phí nhân công	40.971.153.216	33.135.539.715
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.240.402.416	2.304.923.054
Thuế, phí, lệ phí	524.216.259	362.760.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.357.538.577	7.546.869.110
Chi phí khác bằng tiền	4.388.117.811	3.525.997.520
	58.118.148.621	48.323.109.405

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ tiền cho thuê nhà xe, gửi xe, điện nước	365.273.996	767.663.956
Thu nhập khác	556.180.136	64.563.280
	921.454.132	832.227.236

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	7.697.694
Xử lý tài sản thừa	-	63.110.002
Chi phí khác	389.047.547	622.518.059
	389.047.547	693.325.755

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	142.959.632.247	103.575.520.357
Các khoản điều chỉnh tăng	1.535.985.705	693.184.596
- Chi phí không hợp lệ	1.534.336.814	693.184.596
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	1.648.891	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	144.495.617.952	104.268.704.953
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	28.899.123.590	20.853.740.991
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	8.853.740.991	8.282.379.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(25.853.740.992)	(20.282.379.790)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	11.899.123.589	8.853.740.991

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	114.060.508.657	82.721.779.366
Các khoản điều chỉnh:	(5.703.025.432)	(5.790.524.555)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(5.703.025.432)	(5.790.524.555)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	108.357.483.225	76.931.254.811
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.600.000	8.175.890
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.600	9.410

Công ty dự tính trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 với giá định tỷ lệ trích lập là 5% và với năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là 7% lợi nhuận sau thuế.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.203.260.313	120.040.001.365
Chi phí nhân công	89.278.826.334	69.073.235.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.237.624.645	8.301.297.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.448.732.499	92.062.012.078
Chi phí khác bằng tiền	14.761.414.796	15.731.758.609
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	261.929.858.587	305.208.304.818

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.917.711.483	-	54.508.066.731	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.075.232.729	(169.597.946)	16.349.857.729	(169.597.946)
Các khoản cho vay	120.000.000.000	-	105.000.000.000	-
	186.992.944.212	(169.597.946)	175.857.924.460	(169.597.946)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			5.378.000.000	8.458.801.000
Phải trả người bán, phải trả khác			27.555.751.442	16.368.737.352
Chi phí phải trả			2.022.129.128	2.069.883.550
			34.955.880.570	26.897.421.902

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.917.711.483	-	-	40.917.711.483
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.905.634.783	-	-	25.905.634.783
Các khoản cho vay	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000
	186.823.346.266	-	-	186.823.346.266
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.508.066.731	-	-	54.508.066.731
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.180.259.783	-	-	16.180.259.783
Các khoản cho vay	105.000.000.000	-	-	105.000.000.000
	175.688.326.514	-	-	175.688.326.514

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	5.378.000.000	-	-	5.378.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	27.555.751.442	-	-	27.555.751.442
Chi phí phải trả	2.022.129.128	-	-	2.022.129.128
	<u>34.955.880.570</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>34.955.880.570</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	8.458.801.000	-	-	8.458.801.000
Phải trả người bán, phải trả khác	16.368.737.352	-	-	16.368.737.352
Chi phí phải trả	2.069.883.550	-	-	2.069.883.550
	<u>26.897.421.902</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>26.897.421.902</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 539/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2019 và tờ trình số 475/TTr-HĐQT ngày 06/05/2019 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Công ty chủ trương đầu tư xây dựng dự án "Nhà máy Dược phẩm Trung ương 3 - Trảng Duệ" tại Lô N1-2, Khu công nghiệp Trảng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6483048176 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 09/07/2019, mục tiêu thực hiện dự án là xây dựng nhà máy sản xuất thuốc, sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất hóa - mỹ phẩm với quy mô đầu tư 18.455,5 m2. Tổng vốn đầu tư dự án là 435 tỷ đồng, thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Dự án được tiến hành theo từng giai đoạn và bắt đầu từ năm 2019 với phương thức Công ty tự chủ động đầu tư và có thể tìm kiếm đối tác liên doanh toàn phần hoặc từng phần.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Ông Bùi Xuân Hường	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Đình Khái	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Cường	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Ủy viên HĐQT đến ngày 24/05/2019
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Ủy viên HĐQT đến ngày 24/05/2019
Công ty TNHH Đại Bắc	Công ty do ủy viên HĐQT Công ty - Ông Nguyễn Hữu Dũng làm Giám đốc (Không còn là Bên liên quan từ ngày 24/05/2019)

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu	-	28.278.186.010
Công ty TNHH Đại Bắc	-	28.278.186.010
Nhận vốn góp	-	49.963.435.200
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	-	5.568.736.800
Ông Bùi Xuân Hường	-	1.960.094.400
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	-	37.121.498.400
Ông Nguyễn Đình Khái	-	1.518.290.400
Ông Đinh Văn Cường	-	1.666.236.000
Ông Nguyễn Hữu Dũng	-	799.788.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	-	1.005.470.400
Công ty TNHH Đại Bắc	-	323.320.800

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	1.509.657.765
Công ty TNHH Đại Bắc	-	1.509.657.765



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Hội Đồng Quản Trị		
Bùi Xuân Hương	1.522.716.400	1.110.698.428
Đình Văn Cường	472.695.882	475.504.966
Nguyễn Hồng Nhung	472.695.882	-
Nguyễn Thị Kim Thu	-	703.812.687
Nguyễn Hữu Dũng	-	472.504.966
Nguyễn Thanh Tuấn	783.122.122	160.166.087
Nguyễn Đình Khái	-	-
Ban Tổng Giám đốc		
Nguyễn Đình Khái	1.661.242.401	1.064.509.070

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Thị Hà Thu
Người lập

Trần Thị Hà Thu
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Khái
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973

E: aasc@aasc.com.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | F: (84) 28 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 203 3627 571 | F: (84) 203 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01-2021/CV-TGD-DP3
V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế BCTC 2020 so với BCTC
năm 2019

Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước .

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Trước tiên Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 chân thành cảm ơn sự quan tâm hỗ trợ của các quý cơ quan trong thời gian qua.

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài Chính quy định “Tổ chức niêm yết phải thực hiện công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm trong 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có biến động 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước Công ty phải thực hiện giải trình rõ nguyên nhân xảy ra”. Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính ngày 16/03/2021 Công ty cổ phần Dược Phẩm Trung ương 3 tiến hành công bố thông tin với nội dung Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán có kết quả như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019	So sánh năm 2020 với năm 2019	
		Chênh lệch	% CL
114.060.508.657	82.721.779.366	+31.338.729.291	+ 37.88%

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020 tăng so với năm 2019 là 31.338.7 triệu đồng là do các nguyên nhân sau:

So với năm 2019 tổng các khoản doanh thu, thu nhập năm 2020 có giảm hơn so với năm 2019 là 4.186.6 triệu đồng, nhưng tổng các khoản chi phí giảm mạnh hơn so với sức giảm của doanh thu, cụ thể tổng chi phí giảm 35.525,3 triệu đồng dẫn đến kết quả năm 2020 Công ty vẫn có lợi nhuận sau thuế cao hơn năm 2019 là 31.338,7 triệu đồng, tương đương tăng 37,88%.



Trên đây là các ý kiến giải trình của Công ty về việc biến động lợi nhuận của Báo cáo tài chính năm 2020 so với Báo cáo tài chính năm 2019 đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội(HNX).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTTK.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Khải

